

ĐẠI SỐ 9

CHƯƠNG II: HÀM SỐ BẬC NHẤT CHỦ ĐỀ 4: ĐỒ THỊ HÀM SỐ BẬC NHẤT

TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

I - ĐỒ THỊ HÀM SỐ $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

1. Đồ thị của hàm số bậc nhất

- Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$) là một đường thẳng, kí hiệu **(d): $y = ax + b$**
(a gọi là hệ số góc và b gọi là tung độ gốc của đường thẳng)

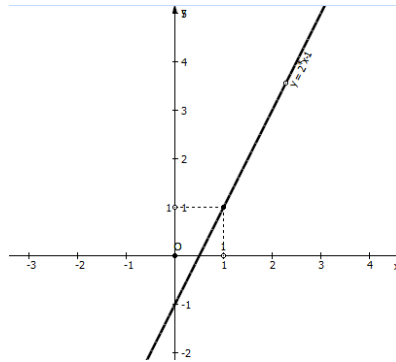
2. Cách vẽ đồ thị hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$)

Ví dụ: Vẽ đồ thị (d) của hàm số: (d): $y = 2x - 1$

- Bảng giá trị:

x	0	1
$y = 2x - 1$	-1	1

- Vẽ đồ thị:



3. Cách xác định giao điểm của hai đường thẳng:

Bước 1: Xét phương trình hoành độ giao điểm.

Bước 2: Giải phương trình hoành độ giao điểm rồi thay hoành độ giao điểm vào biểu thức một trong hai đường thẳng tìm được tung độ giao điểm.

Bước 3: Từ đó kết luận giao điểm.

Ví dụ: Tìm tọa độ giao điểm của hai đường thẳng: (d): $y = 2x - 1$ và $(d_1): y = -x + 2$

Ta có:
$$\begin{cases} (d): y = 2x - 1 \\ (d_1): y = -x + 2 \end{cases}$$

$\Rightarrow$ Phương trình hoành độ giao điểm:

$$2x - 1 = -x + 2$$

$$\Leftrightarrow 2x + x = 2 + 1$$

$$\Leftrightarrow 3x = 3$$

$$\Leftrightarrow x = 1$$

$$\Rightarrow y = 2 \cdot 1 - 1 = 1$$

Vậy tọa độ giao điểm của (d) và (d_1) là (1; 1)

4. Chú ý:

- Trục hoành là đường thẳng (Ox): $y = 0$

- Trục tung là đường thẳng (Oy): $x = 0$

5. Đường thẳng đi qua điểm cố định

- Giả sử điểm $M(x_0; y_0) \in (d): y = ax + b$ ($a \neq 0$) (hoặc đường thẳng $(d): y = ax + b$ đi qua điểm cố định $M(x_0; y_0)$) khi đó phương trình:

$$y_0 = ax_0 + b \text{ nghiệm đúng với mọi } a, b$$

Ví dụ: Cho hàm số : $y = 3x + 1$ có đồ thị (d).

a) Các điểm sau có thuộc (d) không? Vì sao: $M(1;4)$, $N(-2;0)$.

Giải

+ Giả sử $M(1;4) \in (d): y = 3x + 1$

Thay $x = 1$; $y = 4$ vào phương trình: $y = 3x + 1$ ta có:

$$4 = 3.1 + 1$$

$$\Leftrightarrow 4 = 4 \text{ (đúng)}$$

Vậy $M(1;4) \in (d)$

+ Giả sử $N(-2;0) \in (d): y = 3x + 1$

Thay $x = -2$; $y = 0$ vào phương trình: $y = 3x + 1$ ta có:

$$\Leftrightarrow 0 = 3.(-2) + 1$$

$$\Leftrightarrow 0 = -5 \text{ (sai)}$$

Vậy $N(-2;0) \notin (d)$

b) Tìm tọa độ điểm $M \in (d)$ **biết hoành độ của điểm M là 2**

Giải:

Ta có: $M(2;y) \in (d): y = 3x + 1$

Thay $x = 2$ vào phương trình: $y = 3x + 1$ ta có:

$$\Leftrightarrow y = 3.2 + 1$$

$$\Leftrightarrow y = 7$$

Vậy tọa độ điểm $M(2;7)$

c) Tìm tọa độ điểm $N \in (d)$ **biết tung độ của điểm N là -5**

Giải:

Ta có: $N(x;-5) \in (d): y = 3x + 1$

Thay $y = -5$ vào phương trình: $y = 3x + 1$ ta có:

$$\Leftrightarrow -5 = 3.x + 1$$

$$\Leftrightarrow -6 = 3.x$$

$$\Leftrightarrow -2 = x$$

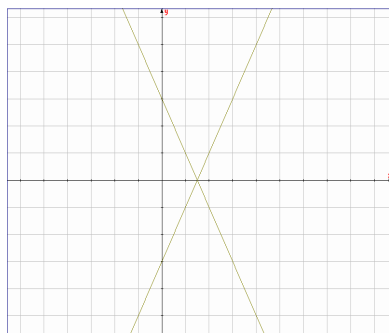
Vậy tọa độ điểm $N(-2;-5)$

Vẽ đồ thị của các hàm số sau :

a) $y = 2x - 3$

Khi $x = 0$ thì $y = -3 \Rightarrow A(0 ; -3)$

Khi $y = 1$ thì $x = -1 \Rightarrow A(-1; -1)$



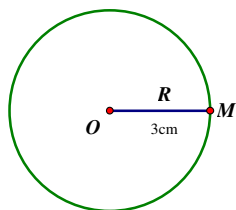
HÌNH HỌC 9

CHƯƠNG 2 – ĐƯỜNG TRÒN

CHỦ ĐỀ 5: SỰ XÁC ĐỊNH CỦA ĐƯỜNG TRÒN. TÍNH CHẤT ĐỐI XỨNG CỦA ĐƯỜNG TRÒN

TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1/ SỰ XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG TRÒN:

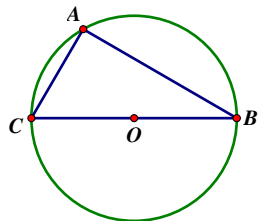


Định nghĩa: (SGK)

Kí hiệu:

Chú ý: $\triangle ABC$ nội tiếp $(O;R)$ (hay $(O;R)$ ngoại tiếp $\triangle ABC$) $\Leftrightarrow$ $(O;R)$

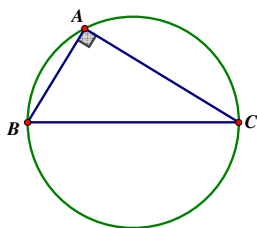
Định lý 1:



Ta có : $\triangle ABC$ nội tiếp (O) đường kính **BC** (gt)

$\Rightarrow \triangle ABC$ vuông tại A

Định lý 2:



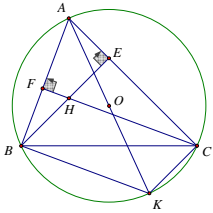
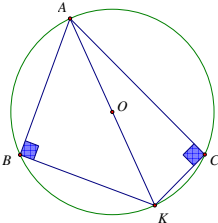
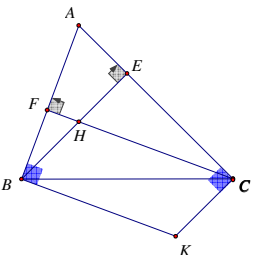
Ta có: $\triangle ABC$ vuông tại A (gt)

$\Rightarrow \triangle ABC$ nội tiếp đường tròn, đường kính BC

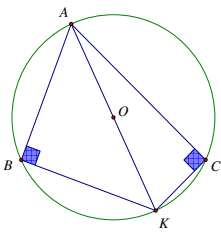
(hay: A, B, C thuộc đường tròn, đường kính BC).

BÀI TẬP ỨNG DỤNG:
I./ BÀI TOÁN HÌNH BÌNH HÀNH CƠ BẢN:

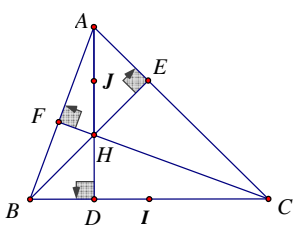
Bài tập mẫu:

	Cho ΔABC có 3 góc nhọn nội tiếp đường tròn $(O;R)$. Vẽ đường kính AK. a/ Chứng minh: $AB \perp BK$; $AC \perp KC$ b/ Gọi H là giao điểm 2 đường cao BE, CF của ΔABC. Chứng minh: $BE \parallel CK$; $CF \parallel BK$ rồi suy ra $BHCK$ là hình bình hành.
	<u>Giải:</u> <u>a/ Chứng minh: $AB \perp BK$; $AC \perp KC$</u> Ta có: ΔABK nội tiếp đường tròn (O) đường kính AK (gt) $\Rightarrow \Delta ABK$ vuông tại B . $\Rightarrow AB \perp BK$ tại B Ta có: ΔACK nội tiếp đường tròn (O) đường kính AK (gt) $\Rightarrow \Delta ACK$ vuông tại C . $\Rightarrow AC \perp KC$ tại C.
	<u>b/ Chứng minh: $BE \parallel CK$; $CF \parallel BK$ suy ra $BHCK$ là hình bình hành.</u> Ta có : $\begin{cases} AB \perp BK \text{ (cmt)} \\ AB \perp CF \text{ (CF đường cao của } \Delta ABC) \end{cases}$ $\Rightarrow BK \parallel CH$ (1) Ta có: $\begin{cases} AC \perp CK \text{ (cmt)} \\ AC \perp BE \text{ (BE đường cao của } \Delta ABC) \end{cases}$ $\Rightarrow CK \parallel BH$ (2) Từ (1) và (2) suy ra $BHCK$ là hình bình hành (tứ giác có các cạnh đối song song).

II/ BÀI TOÀN CHỨNG MINH 4 ĐIỂM CÙNG THUỘC ĐƯỜNG TRÒN:

	❖ Hai tam giác vuông $\triangle ABK$ và $\triangle ACK$ có chung cạnh huyền AK $\Rightarrow A, B, C, K$ cùng thuộc đường tròn đường kính AK.
---	---

Bài tập mẫu:

	Cho $\triangle ABC$ có 3 góc nhọn ($AB < AC$). Gọi H là giao điểm của 3 đường cao AD, BE, CF. a/ Chứng minh: 4 điểm A, E, H, F cùng thuộc một đường tròn. Xác định tâm J của đường tròn này. b/ Chứng minh: 4 điểm B, F, E, C cùng thuộc một đường tròn. Xác định tâm I của đường tròn này.
---	---

Giải:

a/ Ta có: $\triangle AEH$ vuông tại E (BE là đường cao $\triangle ABC$)

$\Rightarrow A, E, H$ thuộc đường tròn đường kính AH (1)

Ta có: $\triangle AFH$ vuông tại F (CF là đường cao $\triangle ABC$)

$\Rightarrow A, F, H$ thuộc đường tròn đường kính AH (2)

Từ (1)(2) $\Rightarrow$ 4 điểm A, E, H, F cùng thuộc một đường tròn đường kính AH .

$\Rightarrow$ tâm J của đường tròn này là trung điểm AH .

b/ Ta có: $\triangle BEC$ vuông tại E (BE là đường cao $\triangle ABC$)

$\Rightarrow B, E, C$ thuộc đường tròn đường kính BC (3)

Ta có: $\triangle BFC$ vuông tại F (CF là đường cao $\triangle ABC$)

$\Rightarrow B, F, C$ thuộc đường tròn đường kính BC (4)

Từ (3)(4) $\Rightarrow$ 4 điểm B, E, F, C cùng thuộc một đường tròn đường kính BC .

$\Rightarrow$ tâm I của đường tròn này là trung điểm BC .

II/ ĐỌC-TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc kỉ niệm về bà.

*** Hình ảnh bếp lửa:**

- Điệp ngữ *Một bếp lửa*

=> Hình ảnh gần gũi, thân thuộc ở làng quê.

- *Chờn vờn*: Gọi bếp lửa bập bùng trong sương sớm.

- *Áp iu*: Gọi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người bà.

*** Cảm xúc về bà**

- Bộc lộ trực tiếp: *thương*

=> Gọi tình cảm, lòng biết ơn của người cháu với bà.

- Cụm từ “*biết mấy nắng mưa*” là những vất vả, trắc trở bà phải vượt qua để nuôi đứa cháu trưởng thành.

2. Những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà

*** Kỉ niệm năm 4 tuổi:**

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói,
Năm ấy là năm **đói mòn đói mỏi**
Bố đi đánh xe **khô rạc ngựa gầy**.
Chỉ nhớ **khói hun nhèm mắt** cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi **còn cay** !

Đói mòn đói mỏi: cái đói dai dẳng và mòn mỏi khắp chốn thôn quê.

Khô rạc ngựa gầy: gọi lên cái hắt hiu, cái gầy gò của người bố và đồng thời gọi cả cái còm côi của con ngựa ấy.

Còn cay: là còn nguyên nỗi xúc động

Khói hun nhèm mắt: là khói từ củi ốt cay xè từ bếp lửa nhà nghèo.

- Hình ảnh tả thực, miêu tả rõ nét nhất về nạn đói- một thời lịch sử đau thương của dân tộc.

=> **Tuổi thơ có nhiều gian khổ, thiếu thốn**

***Kỉ niệm 8 năm ở cùng bà:**

*** Kỉ niệm của hai bà cháu:**

- + Cùng bà nhóm lửa
- +Bà kể chuyện.
- +Bà dạy cháu làm, chăm cháu học

Nghệ thuật: Điệp từ, liệt kê, dùng nhiều động từ.

=> Bà yêu thương, đùm bọc che chở dạy dỗ và là chỗ dựa tinh thần cho cháu.

- Âm thanh chim tu hú : Nghệ thuật: Điệp ngữ

=>Tiếng kêu giục giã da diết, gợi hoài niệm nhớ mong khao khát.

=> **Nỗi nhớ thương bà và quê hương khắc khoải đến quặn lòng của người cháu.**

***Kỉ niệm về năm giặc đốt làng**

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi,
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh.

Cháy tàn, cháy rụi:
Xơ xác, tiêu điều

- Ngọn lửa hung tàn đốt cháy ngôi nhà của hai bà cháu.

=> Bà cháu là nạn nhân của chiến tranh.

*** Con người quê hương:**

- Hình ảnh hàng xóm hiện lên qua từ láy “đỡ đần”

=> Trong bom đạn chiến tranh người lên vẻ đẹp tình đoàn kết xóm làng.



*** Lời dặn của bà với cháu:**

- Bà vẫn vững lòng trước mọi tai hoạ thử thách, để các con yên tâm công tác.

=> **Người mẹ Việt Nam yêu nước đầy lòng hy sinh.**

***Giữa tro tàn của mất mát đau thương, bà vẫn cần mẫn nhóm lửa: (khổ 5)**

Ủ sắn: Sự bất diệt của ngọn lửa.

-Thời gian **sớm, chiều:** bền bỉ, không đứt gãy

- **Bếp lửa** chuyển hóa thành **ngọn lửa** : Đó là ngọn lửa của tình yêu thương vô bờ bến, lửa của niềm tin bất diệt, lửa mà bà thắp lên trong tâm hồn cháu.

3. Suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.

a. Suy ngẫm về bà

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ,
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

-Vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại

+ **Lận đận** suốt một đời vì con cháu.

+ **Đến tận bây giờ** vẫn chẳng nghỉ ngơi.

=> **Cuộc đời bà quanh năm vất vả, giàu đức hi sinh.**

- Điệp từ “nhóm”

Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. Ngọn lửa mang ý nghĩa biểu tượng.

b. Suy ngẫm về bếp lửa:

“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa”

+ **Kỳ lạ**: Vì không gì có thể dập tắt được bếp lửa. Bếp lửa vẫn cháy lên trong mọi cảnh ngộ.

+ **Thiêng liêng**: Bếp lửa là tổ ấm, là cội nguồn gia đình, là cội nguồn quê hương đất nước.

4. Nỗi nhớ của người cháu về bà và bếp lửa.

- Điệp từ: “Trăm”

→ **Khẳng định thế giới rộng lớn, với những điều mới mẻ.**

- **Câu hỏi tu từ**: “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”

=> **Không thể nào quên được bếp lửa, tình cảm của bà.**

III. GHI NHỚ

SGK/ 146

BÀI TẬP BỔ SUNG

CÂU 1. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt được mở đầu như sau :

*"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa."*

(**Ngữ văn 9**, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.143)

- Chỉ ra từ láy trong dòng thơ đầu. Từ láy ấy giúp em hình dung gì về hình ảnh “bếp lửa” mà tác giả nhắc tới?
- Ghi lại ngắn gọn cảm nhận của em về câu thơ : “*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*”.
- Từ cảm nhận về bài thơ trên, hãy viết đoạn văn khoảng 10 đến 12 câu văn trình bày suy nghĩ của em về tình cảm gia đình.

CÂU 2 : Đọc kĩ phần văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

(Bếp lửa – Bằng Việt)

- a) Em hiểu như thế nào về cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong câu thơ đầu đoạn? Hãy tìm một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ em vừa tìm được.
- b) Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà được thể hiện trong đoạn thơ trên.

CÂU 3: Nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ, trong bài thơ bếp lửa, Bằng Việt viết:

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2015)

- a) Chỉ ra số từ mà tác giả sử dụng trong đoạn thơ và cho biết sự kiện lịch sử nào được nhắc tới trong những câu thơ trên? Sự kiện này giúp em hiểu thêm điều gì về tuổi thơ của người cháu?
- b) Năm tháng và thời gian có trôi qua nhưng trong tâm trí của mình, người cháu vẫn khắc ghi lời dặn dò của bà “Bố ở chiến khu, bố còn việc bố. Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ. Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”. Vì sao vậy?
- c) Từ nội dung bài thơ, kết hợp với những hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về những sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống.

TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ

I. Nhận diện thể thơ tám chữ:

Xét các ví dụ trong SGK trang 148, 149

	<i>VDa</i>	<i>VDb</i>	<i>VDc</i>
<i>Số chữ</i>	8 chữ	8 chữ	8 chữ
<i>Gieo vần</i>	<i>Tan-ngàn mới-gội bừng-rừng gắt-mật</i> => vần chân, vần liền	<i>Về-nghe học-nhọc bà- xa.</i> => vần chân, vần liền	<i>Ngát-hát non-son đứng-dựng tiên -nhiên</i> => vần chân, vần cách
<i>Ngắt nhịp</i>	<i>2/3/3, 3/2/3, 3/3/2, 4/4,</i> => đa dạng, linh hoạt	<i>3/3/2, 4/2/2, 4/4, 3/5</i> => đa dạng, linh hoạt	<i>3/5, 3/3/2, 3/2/3</i> => đa dạng, linh hoạt

* Đặc điểm của thể thơ 8 chữ:

a. Dung lượng, bố cục:

- Mỗi dòng thơ có 8 chữ.
- Số câu không hạn định.
- Có thể chia thành các đoạn, các khổ.

b. Cách gieo vần:

- Gieo vần chân.
- Vần liền hoặc vần cách.

c. Cách ngắt nhịp: Đa dạng.

2. Ghi nhớ: SGK/150

II. Luyện tập.

HS làm các bài tập 150, 151 vào SGK

DẶN DÒ: Tuần 10: KT giữa kì vào thứ 2 (ngày 08/11) lúc 7g30 đến 9g.

Nội dung:

- Trắc nghiệm: 5 điểm (20 câu)
 - + Chuyện người con gái Nam Xương
 - + Chủ đề: Truyện Kiều
 - + Chủ đề: Người lính
 - + Các phương châm hội thoại
 - + Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp
- Bài văn nghị luận xã hội (5 điểm)

Tuần 10 các em sẽ học các bài sau :

<i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i>
Ánh trăng
Tổng kết về từ vựng (các bài học ở SGK trang : 122, 135, 146, 158

Các em cần đọc trước các bài trên, trả lời các câu hỏi trong SGK.

TUẦN 9. TIẾNG ANH 9

UNIT 3: COUNTRYSIDE LESSON 3: Language focus

NỘI DUNG BÀI HỌC

 Nội dung ôn tập kiểm tra giữa kỳ 1

I. PRONUNCIATION

A. Phonetics: 2 câu (UNIT 1,2 & 3)

B. Accent mark: 2 câu (UNIT 1,2 & 3)

II. CAUTION SIGNS - WARNINGS: 2 câu

III. MULTIPLE CHOICE: 6 câu (UNIT 1,2 & 3)

IV. CLOZE TEXT: 6 câu (UNIT 1,2 & 3)

V. COMPREHENSION: (UNIT 1,2 & 3)

4 câu True – False + 2 câu multiple choice

VI. WORD FORM: 6 câu

1. economy
2. friend
3. increase
4. compel
5. religion
6. design
7. modernize
8. enjoy
9. education
10. hero
11. encourage
12. interest

VII. Rearrangement: 2 câu (UNIT 1,2 & 3)

VIII. Transformation: 8 câu

1. wish
2. It's (high) time
3. so → because
4. passive voice
5. simple past → present perfect (4 structures)
6. would rather
7. used to

EXERCICES

I. Choose the word/ phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence

1. Linh was out when we came; _____ we left a message.
A. so B. as C. because D. but
2. We started to walk to the village. The _____ to the village was tiring but very fun.
A. voyage B. travel C. going D. journey
3. Van is a (n) _____ student in the USA
A. bright B. foreigner C. exchange D. intelligent
4. Mr. Brown does farming work, while Mrs. Brown works at a grocery store in a _____ town.
A. near B. nearly C. nearby D. nearside
5. Since Van arrived, he _____ a lot about life on a farm.
A. learns B. is learning C. learned D. has been learning
6. There is a river _____ across the village.
A. flowing B. running C. lying D. reaching
7. They put _____ the blanket and laid _____ food.
A. in / on B. down / over C. down / out D. on / in
8. People go to the countryside to have a _____ after a hard working week.
A. break B. rest C. trip D. tour
9. It is an _____ journey. Nobody feels _____.
A. interested / bored B. interesting / bored
C. interested / boring D. interesting / boring
10. Mr. Parker, a farmer _____ maize on his farm.
A. makes B. keeps C. grows D. takes
11. My village is about 80 kilometers _____ the west of HCM City.
A. in B. at C. to D. for

12. We hired a canoe and went _____ in the river.
A. working B. playing C. boating D. swimming
13. _____? – It's about 15 kilometers.
A. Where is your home village B. How far is it from here to your home village
C. How long does it take to get there D. A & C are correct.
14. My father used to work _____ here, but now he is a full-time worker.
A. part- time B. park- time C. sometime D. long time
15. _____? - They plant rice and vegetables.
A. What do your uncles do for a living B. When do your uncles arrive
C. What is their work D. How do they do
16. Tom is older than Alice but his cousin is _____ as her.
A. the same age B. the same old C. as age D. older
17. Van helped the Parkers with _____ the chickens and collecting eggs.
A. eating B. feeding C. looking D. catching
18. She wishes she _____ a lot of homework today.
A. don't have B. doesn't have C. didn't have D. hasn't had
19. Ba and his friends were tired, so they rested _____ 5 pm.
A. at B. until C. on D. in
20. How can you get to school? - _____.
A. two days B. by foot C. by bicycle D. on bus

II. READING: Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage

1. Ba's village lies next to a river and a mountain. After resting (1) _____ lunch, they visited Ba's uncle in the village. Liz had a chance to enjoy (2) _____ tea and fruits here. Then They walked up the mount to visit a (3) _____ on the top. (4) _____ in the afternoon, they walked down and went (5) _____ on the bank and boating in the river. They (6) _____ a lot of pictures before going home.

- | | | | |
|----------------|--------------|---------------|--------------|
| 1. A. on | B. for | C. from | D. since |
| 2. A. fresh | B. new | C. peaceful | D. enjoyable |
| 3. A. blanket | B. airport | C. temples | D. shrine |
| 4. A. So | B. Late | C. Soon | D. First |
| 5. A. to relax | B. to picnic | C. picnicking | D. relax |
| 6. A. made | B. take | C. took | D. show |

III. Read the passages, then decide if the statements that follow them are True or False.

1. To me, vacation is the best time of year, and planning a trip is part of the enjoyment. Before the trip, I always check me budget and all the fares and expenses because they are my most concern. I love the countryside, so my favorite destination

is my home village with vast rice paddy fields and a clear, peaceful river. I book the express bus in advance and come to the travel office an hour before the start as I always feel tense before each trip home.

This year, I intend to be with my grandma for a week. She must be very happy to see me. During my stay last year, I did not have time to visit my old friends; therefore, I will do that this time. I am going to take a lot of pictures about my village and film the country life. They must be very useful for my master thesis. In addition, having my family house thoroughly repaired is another purpose of my trip. I want to contribute my small part to the conservation of our traditional value.

1. The author likes planning a trip. _____
 2. He never visits his home village. _____
 3. He always nervous before the trip. _____
 4. He intends to stay with his grandmother less than a week this year. _
 5. He always checks _____ before the trip.
A. his budget B. all the fares and expenses C. his phone D. A& B
- are correct
6. The author is going to visit his _____ during his stay.
A. old friends B. old teachers C. old neighbors D. relatives

IV. Caution signs:

1. Where can you see this? 	A. At the police station B. At a gas station C. At a supermarket D. At a parking lot
2. What does this sign mean? 	A. Lane reserved for pedestrians B. Bicycles ahead, proceed with caution C. Lane reserved for motorcycles D. Lane reserved for bicycles

3. What does the sign say? 	A. Camping area B. Sport center C. Dangerous area D. No skateboard/ roller skate
4. What does the sign say? 	A. Train station B. Parking lot C. Bus station D. There' a highway ahead.
5. What does the sign say? 	A. You can climb trees. B. You can pick up the fruit. C. You can't enter this area. D. You can't take photos here.
6. What does the sign say? 	A. You mustn't pay with cash. B. You must pay by cheque. C. They don't want any money. D. They don't take cheques or credit cards.
7. What does the sign say? 	A. There are not dogs here. B. Dogs aren't allowed in this area. B. Be careful. Dogs are running loose here. D. You can't take your dogs here.
8.What does the sign say? 	A. Children are free. B. Children pay less than adults. C. Children under 12 don't have to pay. D. Children can come in without money.

9.What does the sign want us to do? 	A. Come in this place. B. Do not wear shoes. C. Do not walk. D. Do not stand here.
10.What does the sign say? 	A. You can't drive. B. You can't drink wine. C. You can't drink wine while driving. D. A and B are incorrect.

VI. Use the correct form of the word given in each sentence

- _____ is necessary after hard working. (relax)
- Don't be _____ about your coming graduation exam. Just take it easy. (worry)
- We _____ meet for a drink after work. (occasion)
- Mr Pike drove _____ so he caused an accident last week. (care)
- _____ should make their camping sites clean when they leave. (picnic)
- _____ stamps is one of my hobbies.(collect)
- She speaks English _____ (fluent)
- _____, I know her father . (interest)
- She got up so late this morning that she didn't have time to make up, _____ got dressed and rushed to the office. (hurry)
- He is considered one of the greatest _____ of the country. (heroic)
- The _____ have to move away because of a hug storm. (village)
- She doesn't live in Hanoi.She settles down in Ha Dong, a _____ town. (near)
- This athlete has had _____ achievements. (admire)
- There are a lot of _____ at tourist attractions in HCMC. (sightsee)
- She is such a good teacher. Her lessons are _____ explained so we love her a lot. (enjoy)
- Peter's opinion wasn't practical so we were in _____ with him.(agree)
- Banyan tree _____ the Vietnamese country. (symbol)
- We'll wait for you at the main _____ to the market. (enter)
- Games can make learning more _____. (enjoy)
- We have lived in a hotel with a _____ atmosphere. (rest)

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it.

- The house is too expensive for them to buy.

- > The house is so _____
- 2.It is difficult for me to learn English grammar.
- > I have _____
- 3.It was raining,so he took his umbrella.
- >He _____
- 4.My grandfather cannot work very hard because of his age.
- > My grandfather is _____
- 5.He will be absent from the class discussion tommorrow.
- > I wish _____
- 6.It would be nice to travel to Dalat by train.
- > I wish _____
- 7.He typed her lesson plan in 20 minutes.
- >It took _____
- >He spent _____
- 8.She likes to wear modern clothing at work.
- >He's fond _____
- 9.It's not easy to do this exercise.
- >Doing _____
- 10.My father no longer works for this company.
- >My father used _____
- 11.I hate staying in a noisy room.
- >If only _____
- 12.Nga is sick today, so she can't go to school.
- > Because _____
- 13.I can't do the test because it is difficult.
- >It is such _____
14. The flight from HCMC to Singapore only takes three hours.
- >It only takes _____
- 15.Travelling abroad gives him presure.
- >He enjoys _____
- 16.I think these exercises are easy to do.
- > I think it _____
- 17.I'm sorry I can't come to your wedding party.
- > I wish _____
- 18.Minh used to study the best in this class.
- >No one in _____
- 19.It's impossible to change the situation.
- >We wish _____
- 20.We hope to come back home soon.
- > We look _____

VIII. Rearrange these sentences

1. usually / The family / on Saturday afternoon / relaxes

→ _____

2. won't go / Nga / today / so she / to school / is sick

- _____
3. took it back / The new camera / so I / to the shop/ didn't work
- _____
4. a lot of photos / to her parents / Liz took / to show the trip
- _____
5. the foot of a mountain / The village / and by a river /lies near
- _____
6. on weekends / Many people / to have a rest /go there / after a hard working week
- _____
7. There is /at the entrance /a small bamboo forest /to the village
- _____
8. near Ba's village / There is / on the mountain / of a Vietnamese hero / a shrine
- _____
9. for a living / in my home village / People / and raise cattle/ plant rice
- _____
10. is living / A Vietnamese boy /with the Parker family /named Van /in the American state of Ohio
- _____ .

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN LÝ 9

Bài 17: BÀI TẬP VẬN DỤNG ĐỊNH LUẬT JUN – LENXƠ

Bài 1:

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$R = 80\Omega$ $I = 2,5A$ a) $t = 1s$ $Q = ? J$ b) $V = 1,5l \Rightarrow m = 1,5kg$ $t_1^0 = 25^\circ C$ $t_2^0 = 100^\circ C$ $t = 20p = 1200s$ $c = 4200J / kg.K$ $H = ?\%$ c) $t = 3h = 10800s$ trong 30 ngày 1kWh giá 700 đồng Tính tiền điện phải trả.	a) Nhiệt lượng mà bếp tỏa ra trong 1 giây: $Q = I^2.R.t = 2,5^2.80.1 = 500J$ b) Nhiệt lượng cần để đun sôi nước: $Q_i = m.c.\Delta t = 1,5.4200.(100 - 25) = 472500J$ Nhiệt lượng mà bếp tỏa ra: $Q = I^2.R.t = 2,5^2.80.1200 = 600000J$ Hiệu suất của bếp $H = \frac{Q_i}{Q}.100\% = \frac{472500}{600000} = 78,75\%$ c) Điện năng mà bếp tiêu thụ trong 30 ngày: $A = \mathcal{P}.t = I^2.R.t = 2,5^2.80.(10800.30) = 162000000J$ Số kWh điện bếp tiêu thụ trong 1 tháng là: $\frac{162000000}{3600000} = 45kWh$ Số tiền điện phải trả là: $45.700 = 31500 \text{ đồng}$

Bài 2:

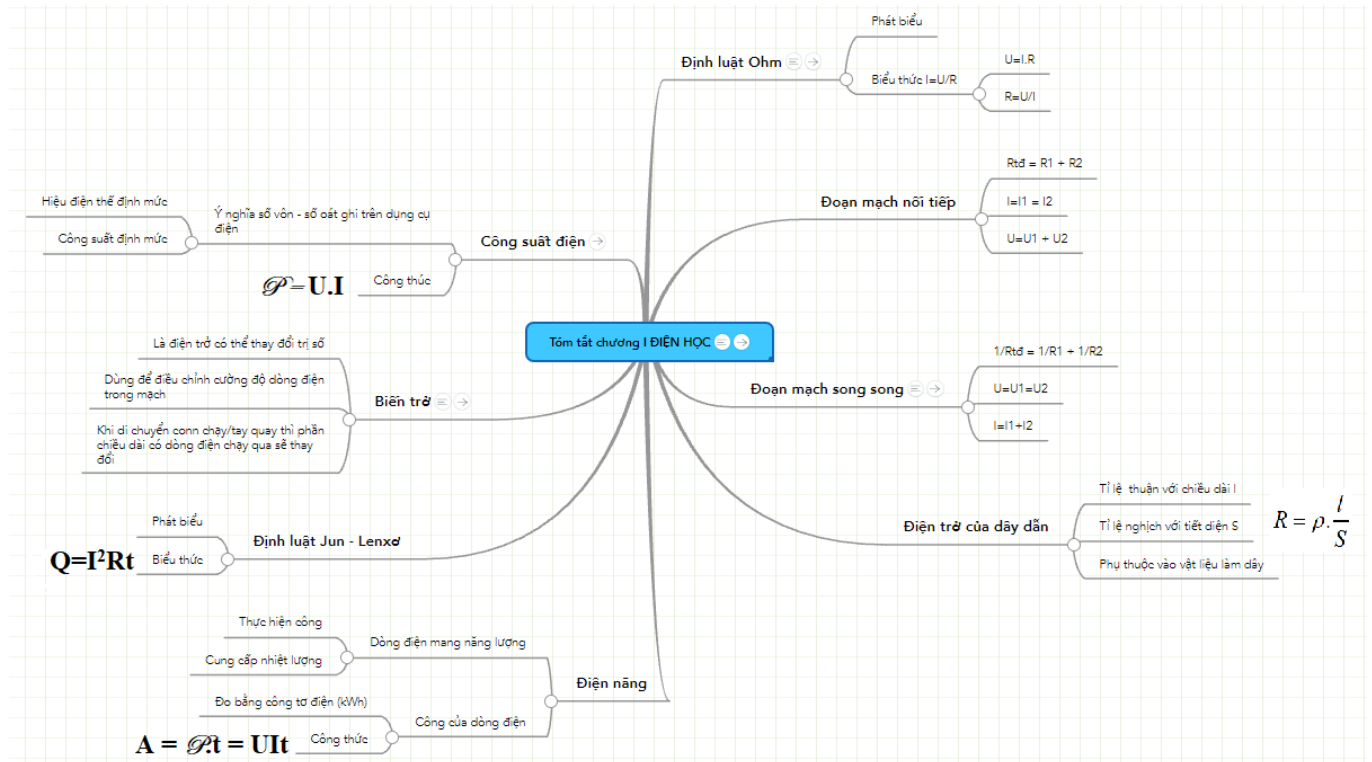
<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$U_{dm} = 220V$ $\mathcal{P}_{dm} = 1000W$ $U = 220V$ $V = 2l \Rightarrow m = 2kg$ $t_1^0 = 20^\circ C$ $t_2^0 = 100^\circ C$ $H = 90\%$ a) $c = 4200J / kg.K$ $Q_i = ? J$ b) $Q = ? J$ c) $t = ? s$	a) Vì $U = U_{dm} = 220V$ nên ấm hoạt động bình thường và lúc này $\mathcal{P} = \mathcal{P}_{dm} = 1000W$ Nhiệt lượng cần để đun sôi nước: $Q_i = m.c.\Delta t = 2.4200.(100 - 20) = 672000J$ b) Nhiệt lượng mà ấm điện đã tỏa ra: $H = \frac{Q_i}{Q} . 100\%$ $\Rightarrow Q = \frac{Q_i}{H} . 100\% = \frac{672000}{90\%} . 100\% = 746667J$ c) Thời gian đun sôi nước: $Q = I^2 . R . t \Rightarrow Q = \mathcal{P} . t \Rightarrow t = \frac{Q}{\mathcal{P}} = \frac{746667}{1000} \approx 747s$

Bài 3:

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$l = 40m$ $S = 0,5mm^2 = 0,5.10^{-6}m^2$ $U = 220V$ $\mathcal{P} = 165W$ $t = 3h = 10800s$ $\rho = 1,7.10^{-8}\Omega.m$ a) $R = ?\Omega$ b) $I = ? A$ c) $Q = ? J$ trong 30 ngày	a) Điện trở của toàn bộ đường dây dẫn từ mạng điện chung tới gia đình: $R = \rho . \frac{l}{S} = 1,7.10^{-8} . \frac{40}{0,5.10^{-6}} = 1,36\Omega$ b) Cường độ dòng điện chạy trong đường dây dẫn khi sử dụng công suất đã cho: $\mathcal{P} = U.I \Rightarrow I = \frac{\mathcal{P}}{U} = \frac{165}{220} = 0,75A$ c) Nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn trong 30 ngày là: $Q = I^2 . R . t = 0,75^2 . 1,36 . (10800.30) = 247860J$ Nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn trong 30 ngày theo đơn vị kWh là: $\frac{247860}{3600000} \approx 0,07kWh$

Bài 20: TỔNG KẾT CHƯƠNG I: ĐIỆN HỌC

I/ Tóm tắt lý thuyết



II/ Vận dụng

12/ C

13/ B

14/ D

15/ A

16/ D

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
Dây dẫn đồng chất	Với cùng vật liệu làm dây, R tỉ lệ thuận với l và tỉ lệ nghịch với S. l giảm 2 lần $\Rightarrow R$ giảm 2 lần S tăng 2 lần $\Rightarrow R$ giảm 2 lần Vậy tổng cộng R giảm 4 lần nên $R_1 = \frac{R_1}{4} = \frac{12}{4} = 3\Omega$

$l_1 = l$ $S_1 = S$ $R_1 = 12\Omega$ $l_2 = \frac{l}{2}$ $S_2 = 2S$ $R_2 = ?\Omega$	
--	--

17/

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$U_{nt} = 12V, I_{nt} = 0,3A$ $U_{//} = 12V, I_{//} = 1,6A$ $R_1 = ?\Omega$ $R_2 = ?\Omega$	$R_{nt} = \frac{U_{nt}}{I_{nt}} = \frac{12}{0,3} = 40\Omega$ $\Rightarrow R_1 + R_2 = 40 \Rightarrow R_1 = 40 - R_2 (1)$ $R_{//} = \frac{U_{//}}{I_{//}} = \frac{12}{1,6} = 7,5\Omega$ $\Rightarrow \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2} = 7,5 (2)$ Thay (1) vào (2) ta có: $\frac{(40 - R_2) \cdot R_2}{40 - R_2 + R_2} = 7,5$ $\Rightarrow \frac{(40 - R_2) \cdot R_2}{40} = 7,5$ $\Rightarrow R_2^2 - 40R_2 + 300 = 0$ $\Rightarrow \begin{cases} R_2 = 30\Omega \Rightarrow R_1 = 10\Omega \\ R_2 = 10\Omega \Rightarrow R_1 = 30\Omega \end{cases}$

18/

a) Những dụng cụ đốt nóng bằng điện là dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện. Để nhiệt lượng tỏa ra trên dây dẫn lớn thì dây phải có điện trở lớn, tức là chất làm dây phải có điện trở suất lớn.

b)

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
	Khi âm hoạt động bình thường thì

$U_{dm} = 220V$ $P_{dm} = 1000W$ $R = ?\Omega$ khi ấm hoạt động bình thường	$U = U_{dm} = 220V$ $P = P_{dm} = 1000W$ Điện trở của ấm là: $P = \frac{U^2}{R} \Rightarrow R = \frac{U^2}{P} = \frac{220^2}{1000} = 48,4\Omega$
---	---

c)

<u>Tóm tắt</u> $R = 48,4\Omega$ $l = 2m$ $\rho = 1,10.10^{-6}\Omega.m$ $d = ?m$	<u>Giải</u> Tiết diện của dây: $R = \rho \cdot \frac{l}{S} \Rightarrow S = \frac{\rho \cdot l}{R} = \frac{1,10.10^{-6} \cdot 2}{48,4} \approx 4,55.10^{-8} m^2$ Đường kính tiết diện của dây: $S = \pi \cdot \left(\frac{d}{2}\right)^2 \Rightarrow S = \pi \cdot \frac{d^2}{4} \Rightarrow d^2 = \frac{4S}{\pi} \Rightarrow d = \sqrt{\frac{4S}{\pi}}$ $\Rightarrow d = \sqrt{\frac{4 \cdot 4,55.10^{-8}}{3,14}} \approx 2,4.10^{-4} m$
--	--

19/

<u>Tóm tắt</u> $U_{dm} = 220V$ $P_{dm} = 1000W$ $U = 220V$ $V = 2l \Rightarrow m = 2kg$ $t_1^0 = 25^\circ C$ $t_2^0 = 100^\circ C$ $H = 85\%$	<u>Giải</u> Vì $U = U_{dm} = 220V$ nên bếp hoạt động bình thường và công suất của bếp lúc này $P = P_{dm} = 1000W$ a) Nhiệt lượng cần cung cấp để đun sôi nước: $Q_i = m \cdot c \cdot \Delta t = 2.4200 \cdot (100 - 25) = 630000J$ Nhiệt lượng do bếp tỏa ra:
---	--

a) $c = 4200 J / kg.K$ $t = ? s$ b) $V = 4l$ trong cùng điều kiện trên Tiền điện phải trả trong 1 tháng là bao nhiêu? 1kWh giá 700 đồng. c) $S' = 2S$ $l' = \frac{l}{2}$ $V = 2l$ trong điều kiện như câu a $t = ? s$ c) $l_1 = l$ $S_1 = S$ $l_2 = \frac{l}{2}$ $S_2 = 2S$ $t = ? s$	$H = \frac{Q_i}{Q} \cdot 100\%$ $\Rightarrow Q = \frac{Q_i}{H} \cdot 100\% = \frac{630000}{85\%} \cdot 100\% = 741176 J$ Thời gian đun sôi nước: $Q = I^2 \cdot R \cdot t \Rightarrow Q = \mathcal{P} \cdot t \Rightarrow t = \frac{Q}{\mathcal{P}} = \frac{741176}{1000} \approx 741 s$ b) Với cùng điều kiện, nhiệt lượng bếp tỏa ra để đun sôi 4 lít nước sẽ gấp đôi 2 lít nước. Nhiệt lượng do bếp tỏa ra để đun sôi 4 lít nước mỗi ngày trong 30 ngày: $Q' = 741176 \cdot 2 \cdot 30 = 44470560 J$ Điện năng tiêu thụ theo đơn vị kWh: $\frac{44470560}{3600000} \approx 12,35 kWh$ Số tiền điện phải trả: $12,35 \cdot 700 = 8645 \text{ đồng}$ c) Với cùng vật liệu làm dây, R tỉ lệ thuận với l và tỉ lệ nghịch với S. l giảm 2 lần $\Rightarrow R$ giảm 2 lần S tăng 2 lần $\Rightarrow R$ giảm 2 lần Vậy tổng cộng R giảm 4 lần Do $\mathcal{P} = \frac{U^2}{R}$ nên khi R giảm 4 lần thì $\mathcal{P}$ tăng 4 lần $\mathcal{P}' = 4 \cdot 1000 = 4000 W$ Thời gian đun sôi nước: $Q = I^2 \cdot R \cdot t \Rightarrow Q = \mathcal{P} \cdot t \Rightarrow t = \frac{Q}{\mathcal{P}} = \frac{741176}{4000} \approx 185 s$
--	--

<u>Tóm tắt</u>	<u>Giải</u>
$\mathcal{P} = 4,95\text{kW} = 4950\text{W}$ $U = 220\text{V}$ $R_d = 0,4\Omega$ a) $U_t = ?\text{V}$ b) $t = 6h$ Tiền điện phải trả trong 30 ngày là bao nhiêu? 1kWh giá 700 đồng. c) $A_{hp} = ?$ trong 1 tháng	Cường độ dòng điện qua dây dẫn: $\mathcal{P} = U.I \Rightarrow I_d = \frac{\mathcal{P}}{U} = \frac{4950}{220} = 22,5\text{A}$ Hiệu điện thế hao hụt trên dây do truyền tải: $U_d = I_d.R_d = 22,5.0,4 = 9\text{V}$ Hiệu điện thế giữa hai đầu đường dây tại trạm cung cấp điện: $U_t = U + U_d = 220 + 9 = 229\text{V}$ b) Lượng điện năng tiêu thụ trong 30 ngày: $A = \mathcal{P}.t = 4,95.(6.30) = 891\text{kWh}$ Tiền điện phải trả trong 30 ngày: $891.700 = 623700 \text{ đồng}$ c) Lượng điện năng hao phí trên đường dây tải trong 1 tháng: $A_{hp} = \mathcal{P}_{hp}.t$ $A_{hp} = I_d^2.R_d.t = 22,5^2.0,4.(6.30) = 36450\text{Wh} = 36,45\text{kWh}$

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN: HÓA 9

Kiểm tra trắc nghiệm

Câu 1: (Mức 1) Oxide là:

- A. Hỗn hợp của nguyên tố oxi với một nguyên tố hoá học khác.
- B. Hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.
- C. Hợp chất của oxi với một nguyên tố hoá học khác.
- D. Hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác.

Câu 2: (Mức 1) Acidic oxide là:

- A. Những oxide tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
- B. Những oxide tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
- C. Những oxide không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
- D. Những oxide chỉ tác dụng được với muối.

Câu 3: (Mức 1) Oxide Base là:

- A. Những oxide tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.
- B. Những oxide tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.
- C. Những oxide không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit.
- D. Những oxide chỉ tác dụng được với muối.

Câu 6: (Mức 1) Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch base là:

- A. CO_2 , B. Na_2O . C. SO_2 , D. P_2O_5

Câu 7: (Mức 1) Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch acid là

- A. K_2O . B. CuO . C. P_2O_5 . D. CaO .

Câu 8: (Mức 1) Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch base là:

- A. K_2O . B. CuO . C. CO . D. SO_2 .

Câu 9: (Mức 1) Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch acid là:

- A. CaO , B. BaO , C. Na_2O D. SO_3 .

Câu 10: (Mức 1) Chất khí nào sau đây là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính ?

- A. CO_2 B. O_2 C. N_2 D. H_2

Câu 11: (Mức 1) Sulfur trioxide (SO_3) tác dụng được với:

- A. Nước, sản phẩm là base. B. Acid, sản phẩm là base.

C. Nước, sản phẩm là acid.

D. Base, sản phẩm là acid.

Câu 12: (Mức 1) Copper (II) oxide (CuO) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là acid.

B. Base, sản phẩm là muối và nước.

C. Nước, sản phẩm là base.

D. Acid, sản phẩm là muối và nước.

Câu 13: (Mức 2) iron (III) oxide (Fe_2O_3) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là acid.

B. Acid, sản phẩm là muối và nước.

C. Nước, sản phẩm là base.

D. Base, sản phẩm là muối và nước.

Câu 14: (Mức 1) Công thức hoá học của sắt oxide, biết Fe (III) là:

A. Fe_2O_3 .

B. Fe_3O_4 .

C. FeO .

D. Fe_3O_2 .

Câu 15: (Mức 2) Dãy chất sau đây chỉ gồm các oxide:

A. MgO , $\text{Ba}(\text{OH})_2$, CaSO_4 , HCl .

B. MgO , CaO , CuO , FeO .

C. SO_2 , CO_2 , NaOH , CaSO_4 .

D. CaO , $\text{Ba}(\text{OH})_2$, MgSO_4 , BaO .

Câu 16: (Mức 2) 0,05 mol FeO tác dụng vừa đủ với:

A. 0,02mol HCl .

B. 0,1mol HCl .

C. 0,05mol HCl .

D. 0,01mol HCl .

Câu 17: (Mức 2) 0,5mol CuO tác dụng vừa đủ với:

A. 0,5mol H_2SO_4 .

B. 0,25mol HCl .

C. 0,5mol HCl .

D. 0,1mol H_2SO_4 .

Câu 18: (Mức 2) Dãy chất gồm các oxide acid là:

A. CO_2 , SO_2 , NO , P_2O_5 .

B. CO_2 , SO_3 , Na_2O , NO_2 .

C. SO_2 , P_2O_5 , CO_2 , SO_3 .

D. H_2O , CO , NO , Al_2O_3 .

Câu 19: (Mức 2) Dãy chất gồm các oxide base:

A. CuO , NO , MgO , CaO .

B. CuO , CaO , MgO , Na_2O .

C. CaO , CO_2 , K_2O , Na_2O .

D. K_2O , FeO , P_2O_5 , Mn_2O_7 .

Câu 21: (Mức 2) Dãy oxide tác dụng với nước tạo ra dung dịch kiềm:

A. CuO , CaO , K_2O , Na_2O .

B. CaO , Na_2O , K_2O , BaO .

C. Na_2O , BaO , CuO , MnO .

D. MgO , Fe_2O_3 , ZnO , PbO .

Câu 22: (Mức 2) Dãy oxide tác dụng với dung dịch hydrochloric acid (HCl):

A. CuO , Fe_2O_3 , CO_2 , FeO .

B. Fe_2O_3 , CuO , MnO , Al_2O_3 .

C. CaO , CO , N_2O_5 , ZnO .

D. SO_2 , MgO , CO_2 , Ag_2O .

Câu 23: (Mức 2) Dây oxide tác dụng với dung dịch NaOH:

- A. CuO, Fe₂O₃, SO₂, CO₂. B. CaO, CuO, CO, N₂O₅.
C. CO₂, SO₂, P₂O₅, SO₃. D. SO₂, MgO, CuO, Ag₂O.

Câu 24: (Mức 2) Dãy oxide vừa tác dụng nước, vừa tác dụng với dung dịch base là:

- A. CuO , Fe_2O_3 , SO_2 , CO_2 .
B. CaO , CuO , CO , N_2O_5 .
C. SO_2 , MgO , CuO , Ag_2O .
D. CO_2 , SO_2 , P_2O_5 , SO_3 .

Câu 29 (mức 2): Dãy các chất tác dụng được với nước tạo ra dung dịch base là:

- A. $\text{MgO}, \text{K}_2\text{O}, \text{CuO}, \text{Na}_2\text{O}$ B. $\text{CaO}, \text{Fe}_2\text{O}_3, \text{K}_2\text{O}, \text{BaO}$
C. $\text{CaO}, \text{K}_2\text{O}, \text{BaO}, \text{Na}_2\text{O}$ D. $\text{Li}_2\text{O}, \text{K}_2\text{O}, \text{CuO}, \text{Na}_2\text{O}$

Câu 48(mức 2) : Để nhận biết 2 lọ mất nhãn đựng CaO và MgO ta dùng:

- A. HCl B. NaOH C. HNO₃ D. Quỳ tím ẩm

Câu 49 (mức 2): Chất nào dưới đây có phần trăm khối lượng của oxi lớn nhất ?

- A. CuO B. SO₂ C. SO₃ D. Al₂O₃

Câu 50 (mức 3): Hòa tan hết 5,6 gam CaO vào dung dịch HCl 14,6% . Khối lượng dd HCl đã dùng là :

- A. 50 gam B. 40 gam C. 60 gam D. 73 gam

Câu 51 (mức 1): Cặp chất tác dụng với nhau sẽ tạo ra khí sulfur dioxide là:

- A. CaCO_3 và HCl B. Na_2SO_3 và H_2SO_4 C. CuCl_2 và KOH D. K_2CO_3 và HNO_3

Câu 52 (mức 2) : Cho các oxide : Na_2O , CO , CaO , P_2O_5 , SO_2 . Có mấy cặp chất tác dụng được với nhau ?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 53 (mức 1) : Vô i sống có công thức hóa học là :

- A. Ca B. Ca(OH)₂ C. CaCO₃ D. CaO

Câu 54 (mức 1): Cặp chất tác dụng với nhau tạo ra muối sodium sulfite – Na_2SO_3 là:

- A. NaOH và CO₂ B. Na₂O và SO₃
C. NaOH và SO₃ D. NaOH và SO₂

Câu 55 (mức 2): Oxide nào sau đây khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch có $\text{pH} > 7$?

- A. CO_2 B. SO_2 C. CaO D. P_2O_5

Câu 56 (mức 2) : Đẻ loại bỏ khí CO_2 có lẫn trong hỗn hợp (O_2 , CO_2), ta cho hỗn hợp đi qua dd chứa:

A. HCl B. Ca(OH)₂ C. Na₂SO₄ D. NaCl

Câu 61 (mức 2): Để làm khô khí CO₂ cần dẫn khí này qua :

A. H₂SO₄ đặc B. NaOH rắn C. CaO D. KOH rắn

Câu 62 (mức 1): Trong hơi thở, chất khí làm đục nước vôi trong là:

A. SO₂ B. CO₂ C. NO₂ D. SO₃

Câu 63 (mức 1): Chất có trong không khí góp phần gây nên hiện tượng vôi sống hóa đá là :

A. NO B. NO₂ C. CO₂ D. CO

Câu 64 (mức 2): Dãy các chất tác dụng với sulfur dioxide – SO₂ là:

A. Na₂O, CO₂, NaOH, Ca(OH)₂ B. CaO, K₂O, KOH, Ca(OH)₂
C. HCl, Na₂O, Fe₂O₃, Fe(OH)₃ D. Na₂O, CuO, SO₃, CO₂

Câu 65 (mức 2): Chất làm quỳ tím ẩm chuyển sang màu đỏ là:

A. MgO B. CaO C. SO₂ D. K₂O

Acid

Câu 1: (Mức 1) Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

A. Fe, Cu, Mg. B. Zn, Fe, Cu.
C. Zn, Fe, Al. D. Fe, Zn, Ag

Câu 2: (Mức 1) Nhóm chất tác dụng với nước và với dung dịch HCl là:

A. Na₂O, SO₃, CO₂. B. K₂O, P₂O₅, CaO.
C. BaO, SO₃, P₂O₅. D. CaO, BaO, Na₂O.

Câu 3: (Mức 1) Dãy oxide tác dụng với dung dịch HCl tạo thành muối và nước là:

A. CO₂, SO₂, CuO. B. SO₂, Na₂O, CaO.
C. CuO, Na₂O, CaO. D. CaO, SO₂, CuO.

Câu 4: (Mức 2) Dãy oxide tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

A. MgO, Fe₂O₃, SO₂, CuO. B. Fe₂O₃, MgO, P₂O₅, K₂O .
C. MgO, Fe₂O₃, CuO, K₂O. D. MgO, Fe₂O₃, SO₂, P₂O₅.

Câu 5: (Mức 1) Dãy có chất **không** tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

A. Zn, ZnO, Zn(OH)₂. B. Cu, CuO, Cu(OH)₂.
C. Na₂O, NaOH, Na₂CO₃. D. MgO, MgCO₃, Mg(OH)₂.

Câu 6: (Mức 1) Dãy các chất **không** tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. Al, Fe, Pb.

B. Al_2O_3 , Fe_2O_3 , Na_2O .

C. $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$, $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

D. BaCl_2 , Na_2SO_4 , CuSO_4 .

Câu 7: (Mức 1) Chất tác dụng với dung dịch HCl tạo thành chất khí nhẹ hơn không khí là:

A. Mg

B. CaCO_3

C. MgCO_3

D. Na_2SO_3

Câu 8: (Mức 1) CuO tác dụng với dung dịch H_2SO_4 tạo thành:

A. Dung dịch không màu.

B. Dung dịch có màu lục nhạt.

C. Dung dịch có màu xanh lam.

D. Dung dịch có màu vàng nâu.

Câu 9: (Mức 1) Cặp chất tác dụng với nhau tạo thành muối và nước:

A. Magnesium - Mg và dung dịch sulfuric acid – H_2SO_4

B. Magnesium oxide - MgO và dung dịch sulfuric acid – H_2SO_4

C. Magnesium nitrate – $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ và sodium hydroxide - NaOH

D. Magnesium chloride – MgCl_2 và sodium chloride - NaCl

Câu 18: (Mức 2) Nhóm chất tác dụng với dung dịch HCl và với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

A. CuO, BaCl_2 , ZnO

B. CuO, Zn, ZnO

C. CuO, BaCl_2 , Zn

D. BaCl_2 , Zn, ZnO

Câu 19: (Mức 2) Dãy các chất tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng tạo thành sản phẩm có chất khí:

A. BaO, Fe, CaCO_3

B. Al, MgO, KOH

C. Na_2SO_3 , CaCO_3 , Zn

D. Zn, Fe_2O_3 , Na_2SO_3

Câu 20: (Mức 2) Thuốc thử dùng để nhận biết dung dịch HCl và dung dịch H_2SO_4 là:

A. K_2SO_4

B. $\text{Ba}(\text{OH})_2$

C. NaCl

D. NaNO_3

Câu 21: (Mức 2) Có 3 lọ mất nhãn đựng riêng biệt 3 dung dịch của 3 chất: HCl, Na_2SO_4 , NaOH. Chỉ dùng một hóa chất nào sau đây để phân biệt chúng?

A. Dung dịch BaCl_2

B. Quỳ tím

C. Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$

D. Zn

Câu 22: (Mức 2) Cho phản ứng: $\text{BaCO}_3 + 2\text{X} \rightarrow \text{H}_2\text{O} + \text{Y} + \text{CO}_2$. X và Y lần lượt là:

A. H_2SO_4 và BaSO_4

B. HCl và BaCl_2

C. H_3PO_4 và $\text{Ba}_3(\text{PO}_4)_2$

D. H_2SO_4 và BaCl_2

Câu 23: (Mức 2) Cho 4,8 gam kim loại magie tác dụng vừa đủ với dung dịch sulfuric acid – H_2SO_4 . Thể tích khí hydrogen – H_2 thu được ở đktc là:

- A. 44,8 lít B. 4,48 lít C. 2,24 lít D. 22,4 lít

Câu 27: (Mức 1) Dung dịch HCl tác dụng với Fe tạo thành:

- A. FeCl_2 và H_2 B. FeCl_3 và H_2
C. FeS và H_2 D. FeCl_2 và H_2O

Câu 28: (Mức 1) Dung dịch hydrochloric acid tác dụng với copper (II) hydroxide tạo thành dung dịch màu:

- A. Vàng đậm. B. Đỏ. C. Xanh lam. D. Da cam.

Câu 29: (Mức 1) Oxide tác dụng với hydrochloric acid - HCl là:

- A. SO_2 . B. CO_2 . C. CuO . D. CO .

Câu 30: (Mức 1) Dung dịch muối tác dụng với dung dịch hydrochloric acid – HCl là:

- A. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$ B. NaNO_3 . C. AgNO_3 . D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$.

Câu 31: (Mức 1) Muốn pha loãng H_2SO_4 đặc ta phải:

- A. Rót nước vào axit đặc. B. Rót từ từ nước vào axit đặc.
C. Rót nhanh axit đặc vào nước. D. Rót từ từ axit đặc vào nước.

Câu 32: (Mức 1) H_2SO_4 đặc nóng tác dụng với copper - Cu kim loại sinh ra khí:

- A. CO_2 . B. SO_2 . C. SO_3 . D. H_2S .

Câu 33: (Mức 1) Khi nhỏ từ từ H_2SO_4 đậm đặc vào đường chứa trong cốc hiện tượng quan sát được là:

- A. Sủi bọt khí, đường không tan.
B. Màu trắng của đường mất dần, không sủi bọt.
C. Màu đen xuất hiện và có bọt khí sinh ra.
D. Màu đen xuất hiện, không có bọt khí sinh ra.

Câu 34: (Mức 1) Nhỏ từ từ dung dịch hydrochloric acid – HCl vào cốc đựng một mẫu đá vôi cho đến dư acid. Hiện tượng nào sau đây xảy ra ?

- A. Sủi bọt khí, đá vôi không tan. B. Đá vôi tan dần, không sủi bọt khí.
C. Không sủi bọt khí, đá vôi không tan. D. Sủi bọt khí, đá vôi tan dần.

Câu 35: (Mức 1) Để điều chế muối chloride, ta chọn những cặp chất nào sau đây ?

- A. Na_2SO_4 , KCl . B. HCl , Na_2SO_4 .
C. H_2SO_4 , BaCl_2 . D. AgNO_3 , HCl .

Câu 36: (Mức 1) Dãy các chất thuộc loại acid là:

- A. HCl , H_2SO_4 , Na_2S , H_2S . B. Na_2SO_4 , H_2SO_4 , HNO_3 , H_2S .
C. HCl , H_2SO_4 , HNO_3 , Na_2S . D. HCl , H_2SO_4 , HNO_3 , H_2S .

Câu 37: (Mức 1) Dãy các kim loại đều tác dụng với dung dịch HCl :

- A. Al , Cu , Zn , Fe . B. Al , Fe , Mg , Ag .
C. Al , Fe , Mg , Cu . D. Al , Fe , Mg , Zn .

Câu 38: (Mức 1) Để nhận biết dung dịch H_2SO_4 và dung dịch HCl ta dùng thuốc thử:

- A. NaNO_3 . B. KCl . C. MgCl_2 . D. BaCl_2 .

Câu 39: (Mức 1) Để nhận biết gốc sulfate ($= \text{SO}_4$) người ta dùng muối nào sau đây ?

- A. BaCl_2 . B. NaCl . C. CaCl_2 . D. MgCl_2 .

Câu 40: (Mức 2) Sơ đồ phản ứng nào sau đây dùng để sản xuất H_2SO_4 trong công nghiệp ?

- A. $\text{Cu} \rightarrow \text{SO}_2 \rightarrow \text{SO}_3 \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$. B. $\text{Fe} \rightarrow \text{SO}_2 \rightarrow \text{SO}_3 \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$.
C. $\text{FeO} \rightarrow \text{SO}_2 \rightarrow \text{SO}_3 \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$. D. $\text{FeS}_2 \rightarrow \text{SO}_2 \rightarrow \text{SO}_3 \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$.

Câu 41: (Mức 2) Cặp chất tác dụng với dung dịch HCl

- A. NaOH , BaCl_2 . B. NaOH , BaCO_3 .
C. NaOH , $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$. D. NaOH , BaSO_4 .

Câu 42: (Mức 2) Để nhận biết 3 ống nghiệm chứa dung dịch HCl , dung dịch H_2SO_4 và nước ta dùng:

- A. Quì tím, dung dịch NaCl . B. Quì tím, dung dịch NaNO_3 .
C. Quì tím, dung dịch Na_2SO_4 . D. Quì tím, dung dịch BaCl_2 .

Câu 43: (Mức 2) Để làm sạch dung dịch FeCl_2 có lẫn tạp chất CuCl_2 ta dùng:

- A. H_2SO_4 . B. HCl . C. Al . D. Fe .

Câu 44: (Mức 2) Dãy các oxide tác dụng được với dung dịch HCl :

- A. CO , CaO , CuO , FeO . B. NO , Na_2O , CuO , Fe_2O_3 .

C. SO_2 , CaO , CuO , FeO .

D. CuO , CaO , Na_2O , FeO .

Câu 45: (Mức 2) Phản ứng giữa dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và dung dịch H_2SO_4 (vừa đủ) thuộc loại:

A. Phản ứng trung hoà .

B. Phản ứng thế.

C. Phản ứng hoá hợp.

D. Phản ứng oxi hoá – khử.

Câu 47: (Mức 3) Trong sơ đồ phản ứng sau: $M \xrightarrow{+\text{HCl}} N \xrightarrow{+\text{NaOH}} \text{Cu}(\text{OH})_2$. M là:

A. Cu .

B. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$.

C. CuO .

D. CuSO_4 .

Câu 48: (Mức 3) Khối lượng dung dịch NaOH 10% cần để trung hoà 200 ml dung dịch HCl 1M là:

A. 40g .

B. 80g.

C. 160g.

D. 200g.

Base

Câu 1: (Mức 1) Dung dịch KOH phản ứng với dãy oxide:

A.. CO_2 ; SO_2 ; P_2O_5 ; Fe_2O_3

B. Fe_2O_3 ; SO_2 ; SO_3 ; MgO

C. P_2O_5 ; CO_2 ; Al_2O_3 ; SO_3

D. P_2O_5 ; CO_2 ; CuO ; SO_3

Câu 2. (Mức 1) Dãy các base bị nhiệt phân huỷ tạo thành basic oxide tương ứng và nước:

A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; $\text{Mg}(\text{OH})_2$

B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; NaOH

C. $\text{Fe}(\text{OH})_3$; $\text{Cu}(\text{OH})_2$; KOH ; $\text{Mg}(\text{OH})_2$

D. $\text{Fe}(\text{OH})_3$; $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Ba}(\text{OH})_2$;

$\text{Mg}(\text{OH})_2$

Câu 3. (Mức 1) Dãy các base làm phenolphthalein hoá hồng:

A. NaOH ; $\text{Ca}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Mg}(\text{OH})_2$

B. NaOH ; $\text{Ca}(\text{OH})_2$; KOH ; LiOH

C. LiOH ; $\text{Ba}(\text{OH})_2$; KOH ; $\text{Al}(\text{OH})_3$

D. LiOH ; $\text{Ba}(\text{OH})_2$; $\text{Ca}(\text{OH})_2$; $\text{Fe}(\text{OH})_3$

Câu 4. (Mức 1) Dung dịch KOH **không có** tính chất hoá học nào sau đây?

A. Làm quỳ tím hoá xanh

B. Tác dụng với acidic oxide tạo thành muối và nước

C. Tác dụng với acid tạo thành muối và nước

D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra base oxide và nước

Câu 5. (Mức 1) Nhóm các dung dịch có $\text{pH} > 7$ là:

A. HCl , HNO_3

B. NaCl , KNO_3

C. NaOH , $\text{Ba}(\text{OH})_2$

D. Nước cất, nước muối

Câu 6. (Mức 1) Base tan và không tan có tính chất hoá học chung là:

- A. Làm quỳ tím hoá xanh
- B. Tác dụng với acidic oxide tạo thành muối và nước
- C. Tác dụng với acid tạo thành muối và nước
- D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra basic oxide và nước

Câu 7: (Mức 1) Cho các base sau: $\text{Fe}(\text{OH})_3$, $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Zn}(\text{OH})_2$. Khi nung nóng các base trên tạo ra dãy basic oxide tương ứng là:

- A. FeO , Al_2O_3 , CuO , ZnO
- B. Fe_2O_3 , Al_2O_3 , CuO , ZnO
- C. Fe_3O_4 , Al_2O_3 , CuO , ZnO
- D. Fe_2O_3 , Al_2O_3 , Cu_2O , ZnO

Câu 8: (Mức 1) Nhóm base vừa tác dụng được với dung dịch HCl , vừa tác dụng được với dung dịch KOH .

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và NaOH
- B. NaOH và $\text{Cu}(\text{OH})_2$
- C. $\text{Al}(\text{OH})_3$ và $\text{Zn}(\text{OH})_2$
- D. $\text{Zn}(\text{OH})_2$ và $\text{Mg}(\text{OH})_2$

Câu 9: (Mức 1) Có những base $\text{Ba}(\text{OH})_2$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$, $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Ca}(\text{OH})_2$. Nhóm các bazơ làm quỳ tím hoá xanh là:

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$, $\text{Cu}(\text{OH})_2$
- B. $\text{Ba}(\text{OH})_2$, $\text{Ca}(\text{OH})_2$
- C. $\text{Mg}(\text{OH})_2$, $\text{Ca}(\text{OH})_2$
- D. $\text{Mg}(\text{OH})_2$, $\text{Ba}(\text{OH})_2$

Câu 10. (Mức 1) Cặp chất nào sau đây tồn tại trong một dung dịch (không có xảy ra phản ứng với nhau)?

- A. NaOH và $\text{Mg}(\text{OH})_2$
- B. KOH và Na_2CO_3
- C. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và Na_2SO_4
- D. Na_3PO_4 và $\text{Ca}(\text{OH})_2$

Câu 11. (Mức 1) Để nhận biết dd KOH và dd $\text{Ba}(\text{OH})_2$ ta dùng thuốc thử là:

- A. Phenolphthalein
- B. Quỳ tím
- C. dd H_2SO_4
- D. dd HCl

Câu 12. (Mức 2) Phản ứng hoá học nào sau đây tạo ra basic oxide ?

- A. Cho dd $\text{Ca}(\text{OH})_2$ phản ứng với SO_2
- B. Cho dd NaOH phản ứng với dd H_2SO_4
- C. Cho dd $\text{Cu}(\text{OH})_2$ phản ứng với HCl
- D. Nung nóng $\text{Cu}(\text{OH})_2$

Câu 13. (Mức 2) Dung dịch KOH tác dụng với nhóm chất nào sau đây đều tạo thành muối và nước ?

- A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$, CO_2 , CuCl_2
- B. P_2O_5 , H_2SO_4 , SO_3

C. CO_2 ; Na_2CO_3 , HNO_3

D. Na_2O ; $\text{Fe}(\text{OH})_3$, FeCl_3 .

Câu 14. (Mức 2) Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ **không phản ứng** được với:

A. Dung dịch Na_2CO_3

B. Dung dịch MgSO_4

C. Dung dịch CuCl_2

D. Dung dịch KNO_3

Câu 15. (Mức 2) NaOH có thể làm khô chất khí ẩm sau:

A. CO_2

B. SO_2

C. N_2

D. HCl

Câu 16. (Mức 2) Dung dịch NaOH phản ứng được với kim loại:

A. Mg

B. Al

C. Fe

D. Cu

Câu 17: (Mức 2) Để điều chế $\text{Cu}(\text{OH})_2$ người ta cho:

A. CuO tác dụng với dung dịch HCl

B. CuCl_2 tác dụng với dung dịch NaOH

C. CuSO_4 tác dụng với dung dịch BaCl_2

D. CuCl_2 tác dụng với dung dịch AgNO_3

Câu 18: (Mức 2) Để điều chế dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$, người ta cho:

A. BaO tác dụng với dung dịch HCl

B. BaCl_2 tác dụng với dung dịch Na_2CO_3

C. BaO tác dụng với dung dịch H_2O

D. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ tác dụng với dung dịch Na_2SO_4

Câu 19: (Mức 2) Để điều chế dung dịch KOH , người ta cho:

A. K_2CO_3 tác dụng với dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$

B. K_2SO_4 tác dụng với dung dịch NaOH

C. K_2SO_3 tác dụng với dung dịch CaCl_2

D. K_2CO_3 tác dụng với dung dịch NaNO_3

Câu 20. (Mức 2) Cặp chất **không tồn tại** trong một dung dịch (chúng xảy ra phản ứng với nhau):

A. CuSO_4 và KOH

B. CuSO_4 và NaCl

C. MgCl_2 và $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$

D. AlCl_3 và $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$

Câu 21: (Mức 2) Cặp chất tồn tại trong một dung dịch (chúng không phản ứng với nhau):

A. KOH và NaCl

B. KOH và HCl

C. KOH và MgCl_2

D. KOH và $\text{Al}(\text{OH})_3$

Câu 22. (Mức 2) Dùng dung dịch KOH phân biệt được hai muối :

A. NaCl và MgCl_2

B. NaCl và BaCl_2

C. Na_2SO_4 và Na_2CO_3

D. NaNO_3 và Li_2CO_3

Câu 23: (Mức 2) Nhóm các khí đều **không** phản ứng với dung dịch KOH ở điều kiện thường:

- A. CO_2 , N_2O_5 , H_2S B. CO_2 , SO_2 , SO_3 C. NO_2 , HCl , HBr D. CO , NO , N_2O

Câu 24: (Mức 3) Dùng 400ml dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1M hấp thụ hoàn toàn V lít khí SO_2 (đktc). Sau phản ứng thu được muối BaSO_3 không tan. Giá trị bằng số của V là:

Câu 25: (Mức 1) Thuốc thử để nhận biết dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ là:

- A. Na_2CO_3 B. KCl
C. NaOH D. NaNO_3

Câu 28: (Mức 1) Để phân biệt hai dd NaOH và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ đựng trong hai lọ mất nhãn ta dùng thuốc thử:

- A. Quỳ tím B. HCl C. NaCl D. H_2SO_4

Câu 29: (Mức 1) NaOH có tính chất vật lý nào sau đây ?

- A. Là chất rắn không màu, ít tan trong nước
B. Là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh, tan nhiều trong nước và tỏa nhiệt
C. Là chất rắn không màu, hút ẩm mạnh và không tỏa nhiệt
D. Là chất rắn không màu, không tan trong nước, không tỏa nhiệt.

Câu 30: (Mức 1) Dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ và dung dịch NaOH có những tính chất hóa học của base tan vì:

- A. Làm đổi màu chất chỉ thị, tác dụng với acidic oxide.
B. Làm đổi màu chất chỉ thị, tác dụng với acid.
C. Làm đổi màu chất chỉ thị, tác dụng với acidic oxide và acid.
D. Tác dụng với acidic oxide và acid.

Câu 31: (Mức 1) Cặp chất **không** thể tồn tại trong một dung dịch (tác dụng được với nhau) là:

- A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$, Na_2CO_3 B. $\text{Ca}(\text{OH})_2$, NaCl
C. $\text{Ca}(\text{OH})_2$, NaNO_3 D. NaOH , KNO_3

Câu 32: (Mức 1) Dung dịch NaOH và dung dịch KOH **không** có tính chất nào sau đây?

- A. Làm đổi màu quỳ tím và phenophtalein
B. Bị nhiệt phân hủy khi đun nóng tạo thành basic oxide và nước.
C. Tác dụng với acidic oxide tạo thành muối và nước

D. Tác dụng với acid tạo thành muối và nước

Câu 33: (Mức 1) Cặp oxit phản ứng với nước ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch base là:

- A. K_2O , Fe_2O_3 . B. Al_2O_3 , CuO .
C. Na_2O , K_2O . D. ZnO , MgO .

Câu 34: (Mức 1) Dãy các base bị phân hủy ở nhiệt độ cao:

- A. $Ca(OH)_2$, $NaOH$, $Zn(OH)_2$, $Fe(OH)_3$
B. $Cu(OH)_2$, $NaOH$, $Ca(OH)_2$, $Mg(OH)_2$
C. $Cu(OH)_2$, $Mg(OH)_2$, $Fe(OH)_3$, $Zn(OH)_2$
D. $Zn(OH)_2$, $Ca(OH)_2$, KOH , $NaOH$

Câu 35: (Mức 2) Dung dịch $NaOH$ phản ứng với tất cả các chất trong dãy:

- A. $Fe(OH)_3$, $BaCl_2$, CuO , HNO_3 . B. H_2SO_4 , SO_2 , CO_2 , $FeCl_2$
C. HNO_3 , HCl , $CuSO_4$, KNO_3 D. Al , MgO , H_3PO_4 , $BaCl_2$

Câu 36: (Mức 2) Dung dịch $Ca(OH)_2$ phản ứng với tất cả các chất trong dãy chất nào sau đây?

- A. $NaCl$, HCl , Na_2CO_3 , KOH B. H_2SO_4 , $NaCl$, KNO_3 , CO_2
C. KNO_3 , HCl , KOH , H_2SO_4 D. HCl , CO_2 , Na_2CO_3 , H_2SO_4

Câu 37: (Mức 2) Cặp chất cùng tồn tại trong dung dịch (không tác dụng được với nhau) là:

- A. $NaOH$, KNO_3 B. $Ca(OH)_2$, HCl
C. $Ca(OH)_2$, Na_2CO_3 D. $NaOH$, $MgCl_2$

Câu 38: (Mức 2) Có ba lọ không nhãn, mỗi lọ đựng một dung dịch các chất sau: $NaOH$, $Ba(OH)_2$, $NaCl$. Thuốc thử để nhận biết cả ba chất là:

- A. Quỳ tím và dung dịch HCl B. Phenolphthalein và dung dịch $BaCl_2$
C. Quỳ tím và dung dịch K_2CO_3 D. Quỳ tím và dung dịch $NaCl$

Câu 39: (Mức 2) Cặp chất khi phản ứng với nhau tạo thành chất kết tủa trắng :

- A. $Ca(OH)_2$ và Na_2CO_3 . B. $NaOH$ và Na_2CO_3 .
C. KOH và $NaNO_3$. D. $Ca(OH)_2$ và $NaCl$

Câu 40: (Mức 2) Cặp chất khi phản ứng với nhau tạo ra dung dịch $NaOH$ và khí H_2 :

- A. Na_2O và H_2O . B. Na_2O và CO_2 .
C. Na và H_2O . D. $NaOH$ và HCl

Câu 41: (Mức 2) Cặp chất đều làm đục nước vôi trong Ca(OH)_2 :

- A. CO_2 , Na_2O . B. CO_2 , SO_2 . C. SO_2 , K_2O D. SO_2 , BaO

Câu 42: (Mức 2) Dãy các base đều làm đổi màu quỳ tím và dung dịch phenolphthalein :

- A. KOH , Ca(OH)_2 , Cu(OH)_2 , Zn(OH)_2 B. NaOH , Al(OH)_3 , Ba(OH)_2 , Cu(OH)_2
C. Ca(OH)_2 , KOH , Zn(OH)_2 , Fe(OH)_2 D. NaOH , KOH , Ca(OH)_2 , Ba(OH)_2

Câu 43: (Mức 2) Dung dịch NaOH và dung dịch Ca(OH)_2 **không phản ứng** với cặp chất:

- A. HCl , H_2SO_4 B. CO_2 , SO_3 C. $\text{Ba(NO}_3)_2$, NaCl D. H_3PO_4 , ZnCl_2

NỘI DUNG GHI BÀI SINH HỌC 9 - TUẦN

BÀI 18: PRÔTÊIN

I. Cấu trúc của prôtêin

- Prôtêin được cấu tạo chủ yếu bởi các nguyên tố: C, H, O, N.
- Prôtêin là đại phân tử được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân bao gồm hàng trăm đơn phân là axit amin thuộc hơn 20 loại khác nhau.
- Prôtêin đa dạng do trình tự sắp xếp khác nhau của các axit amin.
- Prôtêin đặc trưng về số lượng, thành phần, trình tự sắp xếp các axit amin, cấu trúc không gian và số chuỗi axit amin.

II. Chức năng của prôtêin

- Prôtêin có nhiều chức năng quan trọng: là thành phần cấu trúc của tế bào, xúc tác và điều hoà các quá trình trao đổi chất (enzim và hoocmôn), bảo vệ cơ thể (kháng thể), vận chuyển, cung cấp năng lượng,... liên quan đến toàn bộ hoạt động sống của tế bào, biểu hiện thành các tính trạng của cơ thể.

BÀI 19: MỐI QUAN HỆ GIỮA GEN VÀ TÍNH TRẠNG

I. Mối quan hệ giữa ARN và prôtêin

- Sự tạo thành chuỗi axit amin được thực hiện dựa trên khuôn mẫu của mARN và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung, trong đó A liên kết với U, G liên kết với X, đồng thời theo tương quan cứ 3 Nu ứng với 1 axit amin

Vậy: trình tự các Nu trên mARN quy định trình tự các axit amin trong prôtêin.

II. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng

Mối quan hệ giữa gen và các tính trạng được thể hiện trong sơ đồ:

Gen (1 đoạn ADN) → mARN → prôtêin → tính trạng.

BÀI TẬP

Bài 1: Nguyên tắc bổ sung được biểu hiện trong mối quan hệ ở sơ đồ dưới đây như thế nào?

Gen (một đoạn ADN) → mARN → Protein.

---HẾT---

NỘI DUNG BÀI HỌC LỊCH SỬ 9

TUẦN 9 TỪ NGÀY 1/11 – 6/11/2021

Tuần 9 sẽ kiểm tra giữa kì bài 5, 6, 7

Bài 5. Các nước Đông Nam Á

Bài 6. Các nước châu Phi

Bài 7. Các nước Mỹ La tinh

Cô chúc tất cả tụi con làm bài tốt nhé.

ÔN TẬP ĐỊA LÍ 9

Bài 7: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Bài 8: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Bài 9: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Bài 11: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Bài 12: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Bài 13: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

Bài 14: GIÁO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

BÀI GHI LỚP 9 MÔN GD&CD

CHỦ ĐỀ: HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

BÀI 6: HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

I. Đặt vấn đề:

○ HS tự nghiên cứu và trả lời các ý sau:

- Cho đến nay (2021), Việt Nam là thành viên của bao nhiêu tổ chức quốc tế?
Em hãy kể tên một số tổ chức mà Việt Nam đã tham gia gần đây?

-
- Em có kết luận gì về “Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế”?
-

II. Nội dung bài học:

1. Khái niệm

- Hợp tác là chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc, lĩnh vực nào đó vì mục đích chung
- **Nguyên tắc:** Dựa trên cơ sở tự do bình đẳng, hai bên cùng có lợi không hại đến lợi ích của người khác.

2. Ý nghĩa của hợp tác

- Hợp tác quốc tế để cùng nhau giải quyết những vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu
- Giúp đỡ tạo điều kiện cho các nước nghèo phát triển
- Để đạt được mục tiêu hòa bình cho toàn nhân loại.

3. Trách nhiệm của công dân

- Rèn luyện và học tập tốt, rèn luyện tinh thần hợp tác với bạn bè và những người xung quanh
- Quan tâm đến tình hình Việt Nam và thế giới
- Có tinh thần đoàn kết, hữu nghị với những người nước ngoài.
- Tham gia các hoạt động học tập, lao động và các hoạt động tinh thần khác...

III. Luyện tập

- ✚ Em đã hợp tác với bạn bè trong công việc chung như thế nào? Sự hợp tác đã mang lại kết quả gì? Em dự kiến sẽ làm gì để hợp tác với bạn bè và mọi người được tốt hơn?

Tham khảo:

Em đã hợp tác với bạn bè trong công việc chung thông qua:

- Quan tâm, giúp đỡ nhau trong học tập cũng như sinh hoạt
- Tôn trọng và học hỏi những điều tốt lẫn nhau.
- Trao đổi phương pháp học tập
- Không ghen ghét, đố kị lẫn nhau.
- Sự hợp tác đó đã giúp cho tình bạn thêm ngày càng gắn bó thân thiết hơn, học tập ngày càng tiến bộ hơn.
- Dự kiến, để hợp tác với bạn bè và mọi người được tốt hơn, em sẽ cố gắng mở lòng mình để mọi người đều cảm thấy thoải mái khi tiếp xúc, tìm hiểu tính cách của mỗi người để có thể hợp tác tốt hơn...

IV. Dặn dò

- Xem lại nội dung bài học
- Chuẩn bị bài thuyết trình theo dặn dò của GV

MĨ THUẬT 9 tuần 9

Chủ đề: Tinh hoa Mỹ thuật người Việt

Thường Thức Mỹ Thuật

SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM

I. Vài nét khái quát:

Mỗi dân tộc có 1 nét đặc trưng riêng về văn hóa và nghệ thuật tạo nên sự phong phú đa dạng cho nền Mỹ thuật của các dân tộc ít người Việt Nam.

I. Một số loại hình và đặc điểm của Mỹ thuật các dân tộc ít người ở Việt Nam:

1/ Tranh thờ và thổ cẩm:

a) Tranh thờ.

Tranh thờ có giá trị về lịch sử, nghệ thuật và vị trí đáng kể trong nền mỹ thuật dân gian Việt Nam

b) Thổ cẩm.

Thổ cẩm mang tính trang trí, thể hiện nghệ thuật độc đáo và cao giá trị thẩm mỹ cao.

2/ Nhà Rông và tượng nhà mồ Tây Nguyên:

a) Nhà Rông.

Nhà rông là sự gắn kết của cộng đồng dân tộc sinh sống trên vùng đất đó với kiến trúc vừa hoành tráng vừa giản dị, gần gũi.

b) Tượng nhà mồ.

Tượng nhà mồ là kho sử thi về cuộc sống của rừng núi, vừa cổ sơ, vừa hiện đại với ngôn ngữ hình khối đơn giản và tính cách điệu cao.

3/ Tháp và điêu khắc Chăm: (Chàm)

a) Tháp Chăm:

tháp Chăm là loại hình kiến trúc độc đáo của dân tộc Chăm.

b) Điêu khắc Chăm.

Điêu khắc Chăm là một bản hợp ca về cuộc sống với ngôn ngữ tạo hình giản dị, có tính khái quát cao, giàu chất hiện thực và mang đậm dấu ấn tôn giáo.

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG

TỔ: CÔNG NGHỆ - VTM

MÔN THỂ DỤC LỚP 9 TUẦN 9

BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN

NHIP 39 ĐẾN 45 NỮ - NHIP 38 ĐẾN 45 NAM

CHẠY TẠI CHỖ (TỪ 1 ĐẾN 3 PHÚT TUỖ SỨC KHOẺ)

I. KIẾN THỨC, NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT, YÊU CẦU

1. Kiến thức

- Ôn nội dung học của những tuần trước. Bài TD liên hoàn nhip 1 đến 38 của nữ, nhip 1 đến 38 của nam.
- Học mới :
 - + Nhịp 39 đến 45 bài NỮ.
 - + Nhịp 38 đến 45 bài NAM.
- Học sinh biết cách thực hiện nội dung bài học và thực hiện đúng.
- Học sinh hiểu được kỹ thuật cơ bản yêu cầu cần thực hiện.

2. Năng lực

- Năng lực cần đạt: Năng lực vận động, Năng lực thể lực, Năng lực lập kế hoạch hoạt động hàng ngày.
- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật các động tác.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất cần đạt: Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.
- Rèn cho học sinh có thói quen tập luyện thể dục thể thao, tác phong nhanh nhẹn và thái độ nghiêm túc trong giờ học.

4. Yêu cầu

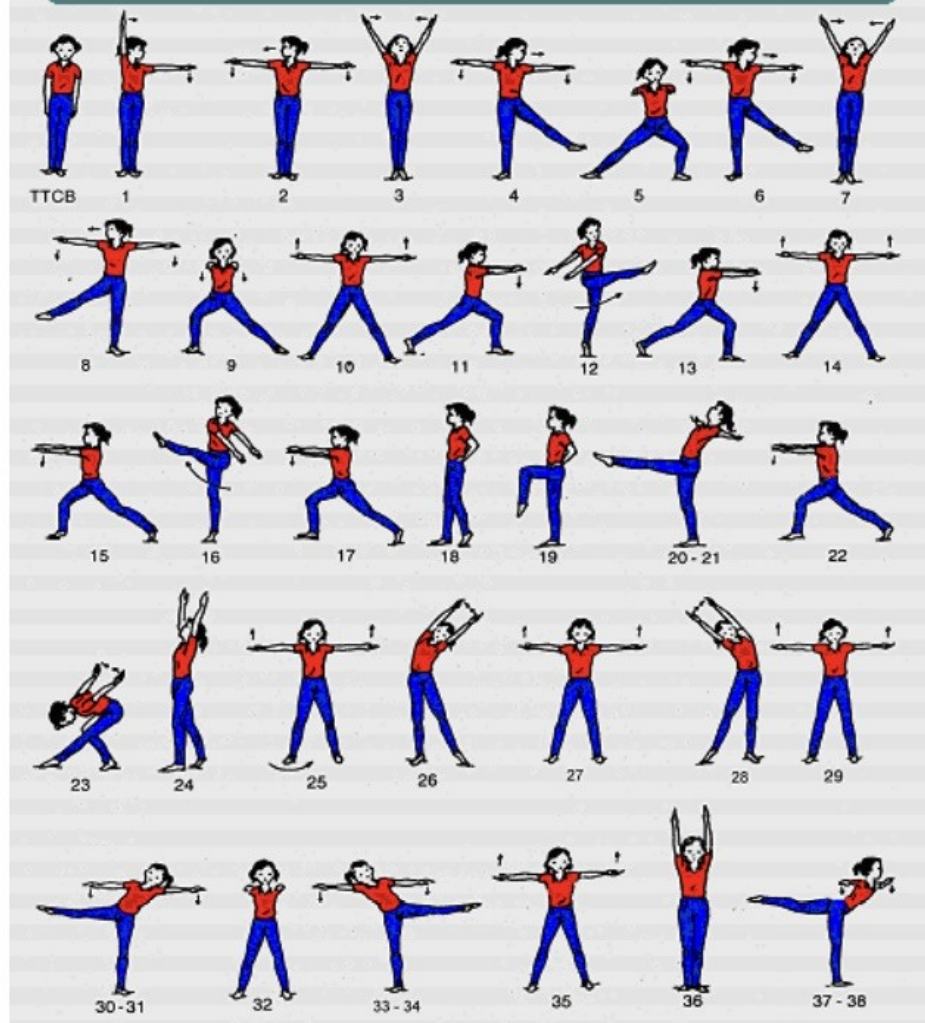
- Tập vừa sức , tùy theo tình hình sức khỏe của bản thân.

II. BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN :

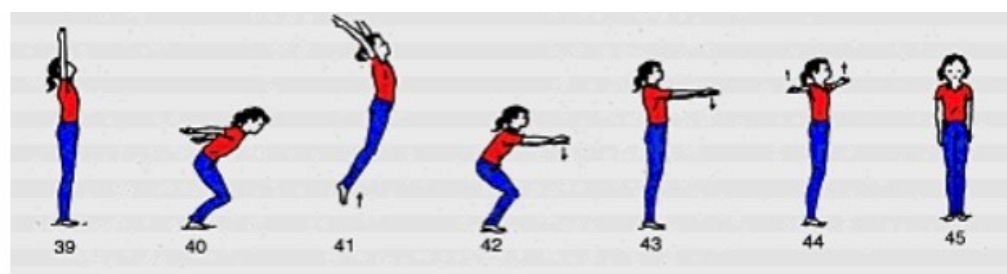
1. Bài Nữ :

+ Ôn từ nhip 1 đến 38.

**BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN 45 NHỊP - KHỐI 9
DÀNH CHO : NỮ**



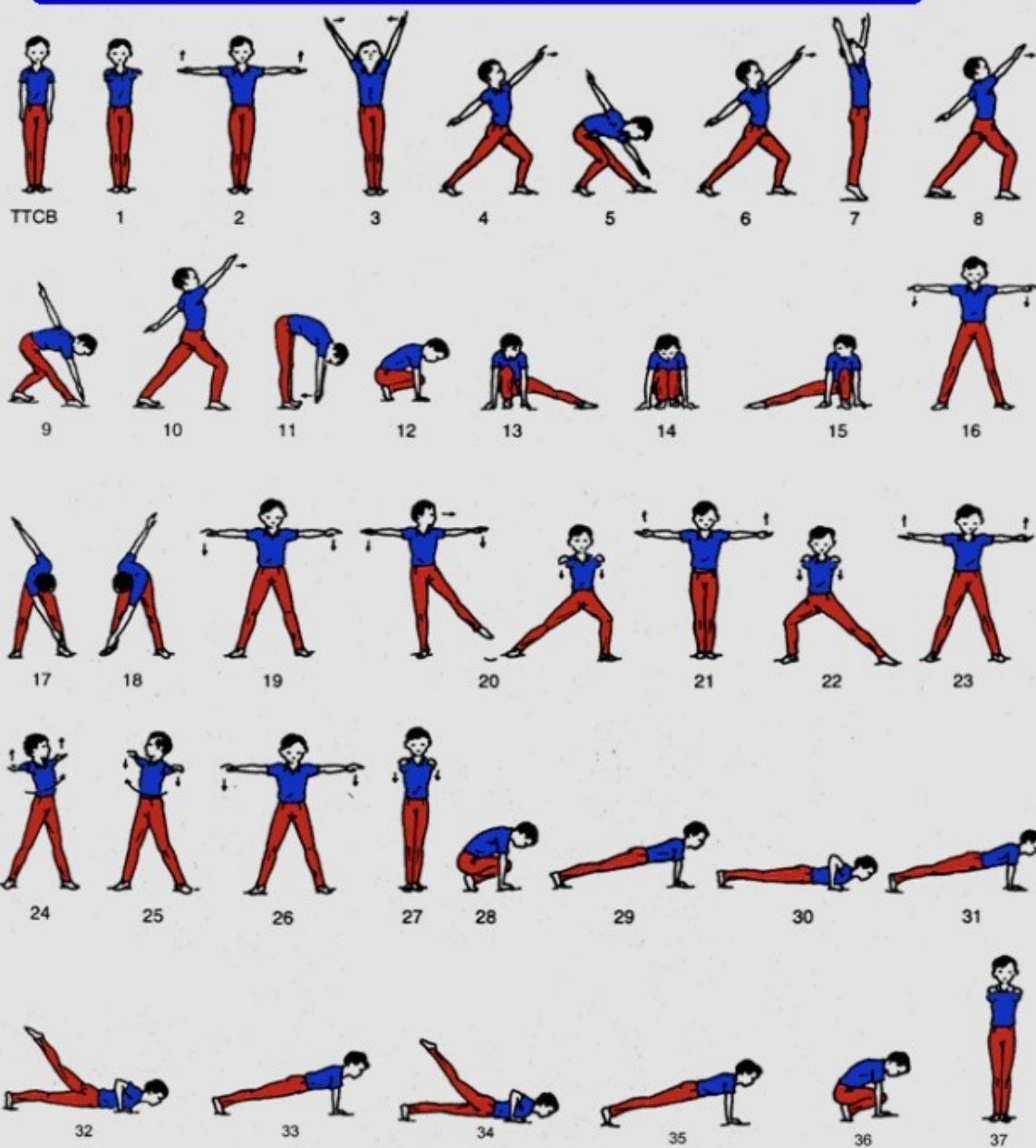
+ Học mới từ nhịp 39 đến 45.



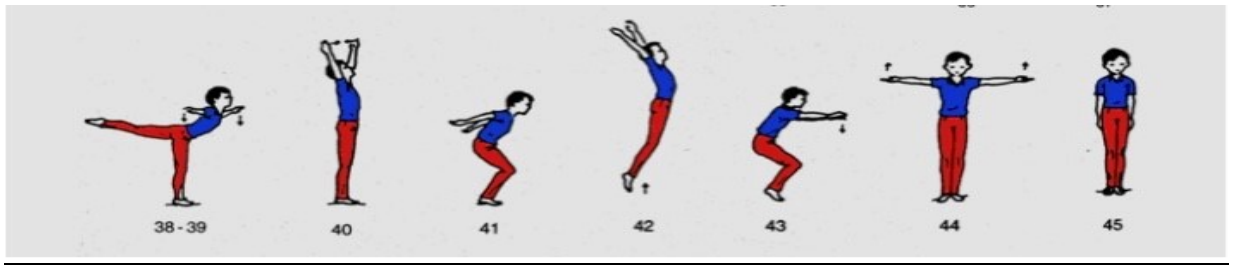
- Bài Nam :

+ Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 37

BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN 45 NHỊP - KHỐI 9 DÀNH CHO : NAM



+ Học mới từ nhịp 38 đến 45.



2. Bài Thể Lực Chạy Tại Chỗ

Yêu cầu chạy tại chỗ tùy sức : từ 30 giây đến 60 giây hoặc 90 giây. Làm lại từ 2 đến 3 lần sau khi nghỉ ngơi 3 đến 5 phút.